

QUYẾT ĐỊNH

**về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý cây xanh đô thị
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
Căn cứ Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 94/TTr-SXD ngày 18/8/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao cho Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, kiểm tra, hướng dẫn về nghiệp vụ chuyên môn, tổ chức thực hiện Quyết định này và định kỳ báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi Nhận: *W*

- Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Xây dựng;
 - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - UBMTTQVN tỉnh;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
 - Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
 - Như Điều 3;
 - Công thông tin điện tử Chính phủ;
 - Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
 - Website tỉnh, TT Công báo;
 - VP UBND tỉnh: Các PCVP; Các P, TT;
 - Lưu: VT, CN.(Tr.100)
- (b/c)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lữ Ngọc Cư

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 07/10/2011 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phạm vi quy định này quy định về phân cấp về lập, phê duyệt kế hoạch phát triển cây xanh đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt, phân cấp quản lý Nhà nước về cây xanh đô thị, bao gồm: Quản lý, bảo vệ và chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị.

2. Cây xanh đô thị thuộc đối tượng quản lý tại Quy định này bao gồm:

a) Cây xanh trong các công trình công cộng đô thị gồm: Cây xanh trong công viên, vườn hoa; cây xanh và thảm cỏ tại quảng trường, cây xanh trồng theo hành lang sông, suối trong phạm vi đô thị thuộc ranh giới hành chính quản lý và cây xanh thuộc các khu vực công cộng khác trong đô thị.

b) Cây xanh trên đường phố đô thị, bao gồm: Cây bóng mát được trồng hoặc có thể là cây mọc tự nhiên, cây trang trí, dây leo trồng trên hè phố, giải phân cách, đảo giao thông.

c) Cây xanh được trồng trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nghĩa trang, công trình tín ngưỡng, tôn giáo, biệt thự, nhà ở và các công trình công cộng khác do các tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng trong đô thị.

3. Quy định này không áp dụng đối với cây trồng với mục đích sản xuất nông - lâm nghiệp của các tổ chức và cá nhân; cây xanh làm hành lang cách ly các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối như: Khu chôn lấp chất thải rắn; khai thác nước sạch, khu xử lý nước thải...; cây xanh tại các khu vườn ươm thực vật hoặc sưu tập thực vật; rừng vành đai, rừng phòng hộ ven đô thị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban Nhân dân các cấp, cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng các cấp thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Các tổ chức, cá nhân được chọn thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị.

3. Các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước có liên quan đến các hoạt động, bao gồm: đầu tư phát triển cây xanh đô thị, chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý cây xanh đô thị

1. Cây xanh đô thị là một bộ phận của hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị do Nhà nước thống nhất quản lý nhằm phục vụ nhu cầu công cộng cho toàn xã hội. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ cây xanh đô thị. Mọi trường hợp vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng cây xanh đô thị tùy theo mức độ vi phạm, phải được xử lý theo pháp luật hiện hành.

2. Tất cả các loại cây xanh đô thị đều được xác định chủ sở hữu, do tổ chức, cá nhân quản lý hoặc được giao quản lý.

3. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị nhằm phục vụ lợi ích cộng đồng. Đồng thời, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động trồng, chăm sóc, ươm cây, bảo vệ, phát triển cây xanh đô thị.

4. Cơ quan được phân cấp quản lý cây xanh có thể thuê đơn vị công ích đô thị, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; hoặc phân giao nhiệm vụ cho tổ chức, hộ gia đình thực hiện việc chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị (sau đây gọi là Đơn vị dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị).

5. Việc lựa chọn chủng loại và trồng cây xanh phải mang bản sắc địa phương, phù hợp với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng, đồng thời đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về sử dụng, mỹ quan, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường đô thị; hạn chế làm hư hỏng các công trình cơ sở hạ tầng trên mặt đất, dưới mặt đất cũng như trên không.

6. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, bảo vệ, chăm sóc, đảm bảo an toàn cây xanh trong khuôn viên do mình quản lý. Đồng thời, thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý cây xanh hoặc chính quyền địa phương khi phát hiện cây nguy hiểm và các hành vi gây ảnh hưởng đến sự phát triển của cây xanh đô thị.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ dưới đây được giải thích như sau:

1. Quản lý cây xanh đô thị, cây xanh đô thị, cây xanh sử dụng công cộng đô thị, cây xanh sử dụng hạn chế trong đô thị, cây xanh chuyên dụng trong đô thị, cây cổ thụ, cây được bảo tồn, cây thuộc danh mục cây cấm trồng, cây thuộc danh mục cây trồng hạn chế, cây nguy hiểm, vườn ươm cây, đơn vị thực hiện về dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị được định nghĩa cụ thể tại Điều 2 Chương I của Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị (sau đây gọi tắt là Nghị định 64/2010/NĐ-CP).

2. “*Cây xanh đô thị*” là cây xanh sử dụng công cộng, cây xanh sử dụng hạn chế và cây xanh chuyên dụng trong khu vực nội thành phố, thị xã; Khu vực

thị trấn, trung tâm huyện lỵ đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận loại đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. “*Ủy ban Nhân dân cấp huyện*”: Bao gồm Ủy ban Nhân dân thành phố, thị xã và Ủy ban Nhân dân các huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4. “*Cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện*”: Bao gồm phòng Quản lý Đô thị thành phố, thị xã; Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện.

Chương II

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÂY XANH ĐÔ THỊ THEO QUY HOẠCH

Điều 5. Kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị

1. Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất được duyệt; Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hàng năm và giai đoạn 5 năm.

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thẩm định về chuyên môn kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị do Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị, đề Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp đề xuất Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch, làm cơ sở bố trí vào chương trình hoặc kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế xã hội hàng năm của địa phương.

Điều 6. Cây xanh tại các khu đô thị mới, khu dân cư mới theo dự án

Khi triển khai xây dựng khu đô thị mới, chủ đầu tư phải đảm bảo quỹ đất cây xanh; cây xanh được trồng phải đúng chủng loại, tiêu chuẩn cây trồng theo quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt. Đồng thời, chủ đầu tư dự án khu đô thị mới, khu dân cư mới phải có trách nhiệm chăm sóc và bảo vệ cây xanh đến khi bàn giao cho cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện.

Điều 7. Cây xanh tại các tuyến đường đô thị xây dựng mới

Đường đô thị khi xây dựng mới phải trồng cây xanh đồng bộ với việc xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật. Khi cải tạo, nâng cấp đường đô thị, các công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc khi tiến hành hạ ngầm các đường dây, cáp nổi tại các đô thị có liên quan đến việc quản lý cây xanh, chủ đầu tư phải thông báo cho cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện và đơn vị dịch vụ quản lý cây xanh trên địa bàn biết để giám sát thực hiện.

Chương III

QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 8. Tổ chức lập, phê duyệt danh mục cây cần được bảo tồn

1. Ủy ban Nhân dân thành phố tổ chức lập danh mục cây cần được bảo tồn trên địa bàn hành chính do mình quản lý trình Sở Xây dựng thẩm định.

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan tổ chức thẩm định danh mục cây cần được bảo tồn trên cơ sở đề nghị của Ủy ban Nhân dân thành phố trình Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt.

3. Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã phê duyệt danh mục cây cần được bảo tồn trên địa bàn hành chính do mình quản lý trên cơ sở kết quả đề nghị của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện. Kết quả phê duyệt được đồng thời gửi cho Sở Xây dựng để tổng hợp, theo dõi.

4. Nội dung danh mục cây cần được bảo tồn thể hiện được những nội dung cơ bản quy định tại khoản 1, điều 17, Nghị định 64/2010/NĐ-CP.

Điều 9. Quản lý cây xanh thuộc danh mục cây cần được bảo tồn

1. Ủy ban Nhân dân cấp huyện thống nhất quản lý nhà nước tại địa phương đối với cây xanh thuộc danh mục cây cần được bảo tồn, thực hiện các công việc sau:

a) Công bố danh mục cây cần được bảo tồn được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc do mình phê duyệt;

b) Thực hiện việc thống kê, phân loại, đánh số, treo biển tên và lập hồ sơ cho từng cây phục vụ công tác quản lý;

c) Cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây quy định tại Chương IV của Quy định này;

d) Kiểm tra việc chặt hạ, dịch chuyển cây và quá trình quản lý chăm sóc cây cần được bảo tồn trên địa bàn hành chính do mình quản lý.

2. Quản lý chăm sóc cây xanh được bảo tồn

a) Đối với cây xanh được bảo tồn trong khu vực sử dụng công cộng đô thị, Ủy ban Nhân dân cấp huyện trực tiếp quản lý thông qua hợp đồng với các đơn vị dịch vụ về cây xanh có năng lực chăm sóc bảo đảm về sinh trưởng, mỹ thuật tán cây, an toàn khi chăm sóc, chặt hạ, dịch chuyển cây;

b) Đối với cây xanh được bảo tồn trong khu vực thuộc khuôn viên thuộc quyền quản lý của các tổ chức, cá nhân thì chủ sử dụng có trách nhiệm quản lý cây xanh được bảo tồn trong khuôn viên do mình quản lý.

Điều 10. Quản lý cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị

Ủy ban Nhân dân cấp huyện thống nhất quản lý nhà nước tại địa phương đối với cây xanh sử dụng công cộng đô thị với những thẩm quyền sau :

1. Căn cứ điều kiện cụ thể tại địa phương quyết định lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh có đủ năng lực, kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực cây xanh đô thị, có trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ được giao trên địa bàn do mình quản lý.

2. Tổ chức lực lượng theo dõi, kiểm tra, bảo vệ thường xuyên hệ thống cây xanh sử dụng công cộng.

3. Phối hợp đơn vị dịch vụ về quản lý cây xanh lập hồ sơ quản lý cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị để phục vụ công tác bảo tồn, quản lý bảo đảm về mỹ thuật, an toàn khi chăm sóc.

Điều 11. Quản lý cây xanh trong khuôn viên nhà đất của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

1. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được lựa chọn giống cây trồng, thụ hưởng toàn bộ hoa lợi từ cây và chịu trách nhiệm trong việc bảo quản, chăm sóc cây xanh, hoa, cỏ, kiểng, dây leo trồng trong khuôn viên do mình quản lý.

2. Cây trồng trong khuôn viên của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Không thuộc danh mục cây cấm trồng do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

b) Cây trồng lè, trồng dặm thì tùy thuộc khoảng không gian của khuôn viên mà chọn cây thích hợp nhưng có độ cao khi trưởng thành không quá 15m;

c) Khoảng cách ly an toàn đến các công trình kỹ thuật đô thị phải theo quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành và phải bảo đảm cây xanh có tán, thân, rễ không gây hư hại đến các công trình lân cận thuộc quyền quản lý của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác;

d) Cây trồng theo dự án đầu tư bằng ngân sách nhà nước thì thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế kỹ thuật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh thuộc danh mục cây cần được bảo tồn và cây có chiều cao từ 10m trở lên thực hiện theo quy định Chương IV của Quy định này.

Điều 12. Thẩm quyền ban hành danh mục cây trồng, cây cấm trồng, cây nguy hiểm, cây trồng hạn chế trong đô thị

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xác định danh mục cây nguy hiểm, cây cấm trồng, cây trồng hạn chế trong đô thị trên địa bàn trình Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành.

2. Ủy ban Nhân dân cấp huyện ban hành danh mục và phổ biến cây xanh được trồng trong đô thị trên địa bàn mình quản lý phù hợp với điều kiện, đặc thù của địa phương theo đề nghị của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện và đơn vị được giao quản lý cây xanh.

3. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm làm đầu mối phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thỏa thuận danh mục cây xanh được trồng trong đô thị theo đề nghị của Ủy ban Nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 2, điều này.

Chương IV
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THẨM QUYỀN CẤP PHÉP CHẶT HẠ, DỊCH CHUYỂN CÂY XANH

Điều 13. Cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị

1. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân khi muốn chặt hạ, dịch chuyển các loại cây xanh sau đây thì phải có Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh của Ủy ban Nhân dân cấp huyện cấp (trừ trường hợp quy định tại khoản 2, Điều này):

- a) Cây xanh thuộc danh mục cây được bảo tồn;
- b) Cây bóng mát; cây bảo tồn; cây đã được đánh số, treo biển trong công viên, vườn hoa, các khu vực công cộng và các khu vực thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình;
- c) Cây bóng mát trên đường phố;
- d) Cây xanh cao tán có chiều cao từ 10m trở lên trong khuôn viên các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong đô thị theo điểm c, khoản 2, điều 1 của quy định này.

2. Trường hợp được miễn Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh:

- a) Cây xanh cần chặt hạ ngay do tình thế khẩn cấp, đe dọa bởi thiên tai hoặc cây đã bị chết, đã bị đổ gãy;
- b) Cây xanh thuộc kế hoạch thay thế để trồng mới được duyệt.

Điều 14. Thẩm quyền cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh

1. Ủy ban Nhân dân cấp huyện cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị đối với các trường hợp được quy định tại khoản 1, Điều 13 của Quy định này.

2. Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị thực hiện theo khoản 4; Điều 14 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị được nộp tại cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện.

5. Thời gian cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh và trồng mới cây thay thế (nếu có) tối đa không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 15. Xây dựng công trình trên đất có trồng cây xanh

1. Đối với công trình xây dựng thuộc trường hợp miễn giấy phép xây dựng theo quy định pháp luật, chủ đầu tư công trình chỉ được chặt hạ, dịch chuyển cây xanh sau khi đã được cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 15 Quy định này.

2. Xây dựng công trình mà theo quy định pháp luật phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép xây dựng:

a) Cơ quan cấp Giấy phép xây dựng công trình phải tham khảo ý kiến và được cơ quan quản lý cây xanh theo phân cấp về việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh có ý kiến bằng văn bản trước khi cấp Giấy phép xây dựng;

b) Trong trường hợp ý kiến của cơ quan cấp Giấy phép xây dựng không thống nhất với ý kiến của cơ quan quản lý cây xanh, giao trách nhiệm cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 16. Thời hạn và điều kiện thực hiện chặt hạ, dịch chuyển cây xanh

1. Thời hạn để thực hiện chặt hạ, dịch chuyển cây xanh là không quá 30 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép. Quá thời hạn trên, mà chưa thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh thì giấy phép đã cấp không còn giá trị.

2. Đối với việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh phục vụ các công trình, dự án thì việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh được thực hiện theo tiến độ yêu cầu của công trình, dự án.

3. Trường hợp chặt hạ, dịch chuyển cây xanh theo yêu cầu chính đáng của tổ chức, cá nhân thì tổ chức, cá nhân phải đền bù giá trị cây theo quy định tại thời điểm đề nghị và chịu mọi chi phí cho việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh và trồng cây mới (nếu có).

4. Việc thực hiện chặt hạ, dịch chuyển cây xanh phải do đơn vị dịch vụ về quản lý cây xanh hoặc do tổ chức, cá nhân có năng lực, thiết bị chuyên dùng thực hiện, bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, tài sản của tổ chức, cá nhân.

5. Khuyến khích các đơn vị quản lý vận dụng các biện pháp khẩn cấp để khắc phục nguy hiểm, bảo vệ an toàn cho cây xanh, an toàn cho nhân dân; hạn chế thấp nhất nguy cơ ngã đổ trong mùa mưa.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 17. Trách nhiệm các sở, ban, ngành của tỉnh

1. Sở Xây dựng.

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định kế hoạch phát triển cây xanh địa bàn các đô thị hàng năm và giai đoạn 5 năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Chủ trì thẩm định, trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục cây xanh cần được bảo tồn trên địa bàn thành phố và xác định danh mục cây nguy hiểm, cây cấm trồng, cây trồng hạn chế trong đô thị theo điều 8, điều 12 của quy định này.

c) Tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư chuyên ngành

cây xanh thuộc thẩm quyền theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng công trình;

d) Kiểm tra, thanh tra chuyên ngành việc thực hiện các quy định về bảo vệ, phát triển cây xanh đô thị;

e) Phối hợp với các chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập và thực hiện kế hoạch triển khai các dự án đầu tư nâng cấp, xây dựng mới cây xanh đô thị; hướng dẫn việc nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận quản lý các hạng mục cây xanh đô thị trồng tại các dự án đầu tư xây dựng công viên, vườn hoa, khu dân cư, khu đô thị mới;

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tham gia ý kiến cho các cơ quan có chức năng trong việc lựa chọn giống cây trồng phù hợp mục đích trồng, khí hậu, thổ nhưỡng địa phương nhằm tạo sự đa dạng trong phát triển hệ thống cây xanh đô thị; quy hoạch hệ thống vườn ươm cây phục vụ nhu cầu trồng cây xanh đô thị.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn theo kế hoạch hàng năm và giai đoạn 5 năm về đầu tư phát triển cây xanh sử dụng công cộng theo kế hoạch đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Chủ trì, tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính và sử dụng đất để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý cây xanh đô thị, đầu tư phát triển vườn ươm, công viên, vườn hoa;

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì thẩm định, tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân quyết định các loại phí, chi phí liên quan đến dịch vụ quản lý cây xanh;

b) Trình Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành quy định và sử dụng nguồn lợi thu được từ việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh sử dụng công cộng có nguồn thu được;

5. Các ngành Điện lực, Viễn thông, Cấp - Thoát nước:

Trong quá trình thi công, xử lý kỹ thuật công trình, ngành Điện lực, Viễn thông, Cấp - Thoát nước có trách nhiệm thông báo, phối hợp chặt chẽ với cơ quan được phân cấp quản lý cây xanh để bảo đảm kỹ thuật, mỹ thuật, sự an toàn và phát triển của cây xanh.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban Nhân dân cấp huyện

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng trong việc lập, thực hiện và quản lý kế hoạch phát triển cây xanh đô thị hàng năm và giai đoạn 5 năm được duyệt trên địa bàn đô thị do mình quản lý

2. Khảo sát, thống kê và lập danh mục cây xanh cần được bảo tồn địa bàn đô thị trình cấp thẩm quyền phê duyệt và phê duyệt theo phân cấp. Đồng thời, phân công cho các cơ quan chức năng trực thuộc hướng dẫn cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý trực tiếp cây về kỹ thuật chăm sóc cây và các quy định có liên quan đối với cây xanh cần được bảo tồn.

3. Quản lý hệ thống cây xanh sử dụng công cộng đô thị, cây xanh đường phố, cây xanh khu vực hành lang sông suối trên địa bàn đô thị theo phân cấp.

4. Thực hiện việc cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh theo phân cấp quy định tại chương IV của Quy định này.

5. Thực hiện chức năng quản lý các dự án đầu tư, các biện pháp khuyến khích hoạt động chăm sóc, bảo quản, phát triển cây xanh đô thị trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền. Tại các đô thị chưa có đơn vị công ích trực tiếp thực hiện việc trồng, chăm sóc cây xanh thì tiến hành lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân có năng lực thực hiện việc trồng, chăm sóc cây xanh.

6. Phân công, phân cấp cho các cơ quan chức năng trực thuộc, Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn, hộ gia đình trong việc chăm sóc, bảo vệ cây xanh sử dụng công cộng đô thị, cây xanh đường phố.

7. Kiểm tra, giám sát tình hình bảo đảm chất lượng cây xanh, việc tuân thủ quy chuẩn về tỉ lệ phủ xanh trong các dự án đầu tư xây dựng thuộc địa bàn quản lý.

8. Tuyên truyền, giáo dục, vận động các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tích cực tham gia trồng, bảo vệ, chăm sóc và phát triển cây xanh đô thị.

9. Xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định cây xanh đô thị thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban Nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Thực hiện quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn theo phân cấp và phân công của Ủy ban Nhân dân cấp huyện.

2. Tổ chức kiểm tra, xử lý hoặc đề nghị xử lý các vi phạm về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn mình quản lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

3. Tuyên truyền, giáo dục, vận động các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia bảo vệ, chăm sóc và phát triển cây xanh. Đề xuất hướng phát triển cây xanh trên địa bàn.

Điều 20. Trách nhiệm của cơ quan quản lý trồng, chăm sóc cây xanh

1. Thực hiện trồng, chăm sóc và quản lý hệ thống cây xanh theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Nghiên cứu đề xuất chủng loại cây, hoa phù hợp với quy hoạch xây dựng, với đặc điểm thổ nhưỡng, khí hậu và cảnh quan chung; tiếp thu và lai tạo

các loại cây, hoa đẹp ở các địa phương khác để áp dụng trên địa bàn được giao quản lý.

3. Lập hồ sơ danh sách và tổ chức đánh số cây xanh cổ thụ, cây cần bảo tồn theo hướng dẫn và định kỳ hàng năm lập báo cáo kiểm kê chất lượng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lữ Ngọc Cư